

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 188/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Về thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn lực giai đoạn 2016-2021 tỉnh Kiên Giang (bổ sung Báo cáo số 115/BC-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Kính gửi: Đoàn giám sát Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang

Trên hiện nội dung giám sát của Đoàn giám sát Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang tại buổi làm việc để thông qua dự thảo báo cáo giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn lực giai đoạn 2016-2021” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

UBND tỉnh Kiên Giang xin báo cáo bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

1. Bổ sung thêm các đánh giá trong quản quản lý, sử dụng các lĩnh vực

1.1. Quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước

Bên cạnh những kết quả đạt được trong quá trình quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước còn một số tồn tại, hạn chế:

- Trong công tác điều hành ngân sách tại địa phương, ngoài việc thực hiện chuyển nguồn đối với nội dung chi thường xuyên cho các khoản chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 64 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, thì còn bao gồm các khoản chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao còn dở dang như: các chương trình, dự án, mua sắm hàng hóa, dịch vụ và sửa chữa thường xuyên đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm được ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán nhưng không được chuyển nguồn sang năm sau. Đối với các nội dung thực hiện chi thường xuyên nêu trên nếu không được phép chuyển nguồn thì số dư dự toán kinh phí đang thực hiện dở dang sẽ bị hủy dự toán và đưa vào kết dư ngân sách, như vậy địa phương sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc cân đối nguồn để phân bổ dự toán cho các đơn vị tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ và sửa chữa đang dở dang trên do không thuộc nhiệm vụ chi của năm dự toán.

BAN NHÀ

- Công tác quyết toán ngân sách Nhà nước có đơn vị, địa phương thực hiện chậm chưa đúng thời gian quy định, cụ thể còn lại 388 dự án chưa quyết toán (*cấp tỉnh 32 dự án; cấp huyện 356 dự án*) phải chuyển tiếp sang năm sau để thực hiện, trong đó có 162 dự án vi phạm thời gian quyết toán (*cấp tỉnh 01 dự án; cấp huyện 161 dự án*).

- Kế hoạch triển khai đầu tư vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo thông báo hiện nay chưa đảm bảo được việc theo các chương trình phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh đã đề ra. Hiện tỉnh đang triển khai các giải pháp thu hút nguồn lực, kêu gọi đầu tư cho giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, việc phân bổ vốn để hoàn thành các dự án chuyển tiếp do chưa bố trí đủ vốn trong giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn Trung ương (khoảng 1.296,412 tỷ đồng) đã hạn chế việc bố trí các dự án mới, trọng điểm trong giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Bố trí vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm so với kế hoạch thực hiện.

- Vẫn còn xảy ra tình trạng vi phạm quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong quản lý ngân sách, tài sản Nhà nước. Tiến độ nhiều dự án chậm, chất lượng chưa đảm bảo; dự án hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chậm quyết toán, gây lãng phí vốn, tài sản công của xã hội; quá trình giám sát thực hiện hợp đồng chưa được chủ đầu tư chú trọng, còn để xảy ra một số sai phạm.

- Do vướng mắc trong quá trình thực hiện (*mất nhiều thời gian trong quá trình lập các thủ tục đầu tư; điều chỉnh, ...; vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng*) nên một số dự án phải kéo dài thời gian thực hiện;

- Nhằm đảm bảo các tiêu chí đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, việc bố trí các dự án trung tâm văn hóa xã, chợ nông thôn, ..., chưa phát huy hiệu quả đầu tư (*do chưa phù hợp với tập quán sinh hoạt của người dân*);

- Trong thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học, việc đầu tư xây dựng các điểm trường nhỏ, lẻ nhằm giải quyết nhu cầu cấp thiết về phòng học tại thời điểm thực hiện (*khi hạ tầng giao thông chưa đáp ứng*). Đến nay, một số điểm trường lẻ không còn được sử dụng.

- Qua rà soát, hiện có 07¹ dự án chậm tiến độ phải chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 để tiếp tục thực hiện, chậm hoàn thành dự án đưa vào sử dụng, đã ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư, ít nhiều gây lãng phí trong đầu tư công.

¹ (1). Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT): Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể: số 2731/QĐ-UBND ngày 10/11/2015, số 1100/QĐ-UBND ngày 15/5/2019, số 462/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh; tổng mức đầu tư 338.551 triệu đồng; thời gian thực hiện: 2015-2022; lũy kế vốn đã bố trí đến nay là 148.550 triệu đồng. Nguyên nhân chậm tiến độ do đại dịch covid-19 ảnh hưởng đến quá trình vận động các thành viên hợp tác xã tham gia đóng góp phần đối ứng của Hợp tác xã để thực hiện dự án.

1.2. Quản lý, sử dụng các quỹ tài chính công ngoài ngân sách Nhà nước của cơ quan, đơn vị được giao quản lý

Mặc dù trong quá trình hoạt động các quỹ tài chính công ngoài ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh đã phát huy được mục tiêu xã hội cụ thể đã đề ra, tăng cường thu hút vốn đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân, huy động thêm các nguồn tài chính hỗ trợ ngân sách Nhà nước trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên cũng nảy sinh một số bất cập, tồn tại và hạn chế như sau:

- Do chưa có một khung chế tài để quản lý thống nhất các quỹ. Có quỹ ra đời và hoạt động theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc của một Bộ, ngành, địa phương riêng biệt; một số quỹ ra đời dựa trên cơ sở Luật, Pháp lệnh; chưa có văn bản pháp lý thống nhất có tính quy định chung để điều chỉnh các hoạt động của quỹ, quy định các nguyên tắc thành lập và sử dụng hệ thống các quỹ. Do bản chất hoạt động của các quỹ không nằm trong hệ thống ngân sách Nhà nước nên không bị điều chỉnh trực tiếp bởi Luật ngân sách Nhà nước; các quỹ này cũng không phải là các tổ chức cung cấp các khoản tài chính thương mại như các ngân hàng, nên cũng không chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật Các tổ chức tín

(2). Dự án Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai: Quyết định đầu tư: số 2328/QĐ-UBND ngày 01/10/2013, số 2212/QĐ-UBND, ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang; tổng mức đầu tư 755.022 triệu đồng; thời gian thực hiện: 2017-2022; lũy kế vốn đã bố trí đến nay là 477.288 triệu đồng. Nguyên nhân chậm tiến độ do thay đổi định mức kinh tế kỹ thuật một số hạng mục, công đoạn kê khai cấp mới và đổi giấy, đăng ký đất đai cũng như thẩm định, xét duyệt mất nhiều thời gian.

(3). Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai: Quyết định đầu tư: số 2108/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh; tổng mức đầu tư 53.829 triệu đồng; thời gian thực hiện: 2015-2022; lũy kế vốn đã bố trí đến nay là 18.783 triệu đồng; Nguyên nhân chậm tiến độ do phải chờ Trung ương điều chỉnh dự án tổng thể và ban hành sổ tay hướng dẫn thi địa phương mới có cơ sở thực hiện dự án.

(4). Dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang – Quy mô 1020 giường: Quyết định đầu tư: số 2236/QĐ-UBND ngày 29/10/2014, số 2010/QĐ-UBND ngày 25/9/2017, số 2382/QĐ-UBND ngày 26/10/2018, số 2247/QĐ-UBND ngày 01/10/2019, số 2664/QĐ-UBND ngày 21/11/2019, số 1319/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, số 2958/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh; Tổng mức đầu tư 4.113.078 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách địa phương là 1.933.408 triệu đồng, vốn ngân sách Trung ương là 1.911.200 triệu đồng, vốn hợp pháp khác là 267.470 triệu đồng; thời gian thực hiện dự án: 2016-2022; lũy kế vốn đã bố trí đến nay là 3.366.756 triệu đồng. Nguyên nhân chậm tiến độ do vướng xử lý kỹ thuật phân móng công trình, khiếu kiện trong mua sắm thiết bị.

(5). Dự án Bệnh viện Ung bướu: Quyết định đầu tư: số 2085/QĐ-UBND ngày 22/9/2011, số 212/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang; tổng mức đầu tư 822.369 triệu đồng, thời gian thực hiện: 2011-2017; lũy kế vốn đã bố trí đến nay là 499.962 triệu đồng. Nguyên nhân chậm tiến độ do vướng giải phóng mặt bằng.

(6). Dự án Bệnh viện Tâm thần: Quyết định đầu tư: số 67/QĐ-UBND ngày 10/01/2011, số 1116/QĐ-UBND ngày 12/5/2016, số 2629/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang; tổng mức đầu tư 166.192 triệu đồng, trong đó: vốn trái phiếu Chính phủ là 61.896 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương là 104.296 triệu đồng; thời gian thực hiện: 2010-2020; lũy kế vốn đã bố trí đến nay là 145.100 triệu đồng. Nguyên nhân chậm tiến độ do vướng giải phóng mặt bằng.

(7). Dự án Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh: Quyết định đầu tư: số 07/QĐ-BQLKKTQP ngày 29/10/2015, số 37/QĐ-BQLKKTQP ngày 28/3/2016, số 97/QĐ-BQLKKTQP ngày 13/05/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; tổng mức đầu tư là 1.312.000 triệu đồng, trong đó: vốn ngân sách Trung ương là 830.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 275.000 triệu đồng, ngân sách thành phố Phú Quốc là 207.000 triệu đồng; thời gian thực hiện: 2016-2023; lũy kế vốn đã bố trí đến nay là 761.227 triệu đồng. Nguyên nhân chậm tiến độ do vướng giải phóng mặt bằng.

dụng. Một số quỹ là tổ chức tài chính hoạt động “luỡng tính”, nằm giữa ngân sách Nhà nước và tổ chức tài chính thương mại; nên gây khó khăn trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước đối với các quỹ tài chính.

- Công tác quản lý nguồn thu của các quỹ:

+ Một số quỹ mở tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng cổ phần có lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp hơn một số ngân hàng thương mại cổ phần thuộc hệ thống Ngân hàng Nhà nước, làm giảm thu nhập của quỹ; chưa thực hiện việc đối chiếu xác nhận các khoản phải nộp của các doanh nghiệp có nghĩa vụ đóng góp với quỹ;

+ Hạch toán khoản hỗ trợ từ quỹ chưa có sự thống nhất với Bộ Tài chính; cơ cấu nguồn thu không được đảm bảo, chủ yếu là nguồn thu từ ngân sách.

+ Việc ghi chép sổ theo dõi tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước không đầy đủ, tài khoản sử dụng chung nhiều nguồn nhưng không tách thu, chỉ từng nguồn tiền gửi hàng tháng, năm.

- Công tác quản lý các khoản chi: còn có tình trạng một số quỹ chi chưa đúng quy định, chưa đôn đốc thu hồi tạm ứng đối với các khoản nợ tồn đọng; chưa hoàn thiện thủ tục, chế độ quy định về việc sử dụng quỹ để khen thưởng phúc lợi.

1.3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước

Việc quản lý, sử dụng tài sản công còn có những hạn chế như sau:

- Do chưa có quy định về các tiêu chí, định mức trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nên việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ở một số các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, doanh nghiệp còn chung chung, chưa và không xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể trong quản lý, sử dụng tài sản công; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và doanh nghiệp trong công tác tự kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng tài sản công chưa được phát huy hiệu quả.

- Chế độ thực hiện thông tin, báo cáo của một số các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và doanh nghiệp chưa kịp thời, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng được yêu cầu, số liệu báo cáo không đầy đủ, rõ ràng, nên việc tổng hợp báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước giai đoạn 2016-2021 của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

- Đa số các cơ quan, đơn vị không chú trọng đến việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng; không báo cáo, cập nhật số liệu tài sản kết cấu hạ tầng vào cơ sở dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng quốc gia.

- Công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, quán triệt các quy định pháp luật về trong quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước còn có mặt hạn chế, ít tổ chức được nhiều lớp tập huấn, phổ biến theo chuyên đề.

- Vẫn còn xảy ra tình trạng vi phạm quy định pháp luật về tiêu chuẩn, định mức trong quản lý quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Tiến độ đầu tư, xây dựng của một số dự án còn chậm gây lãng phí vốn, tài sản nhà nước.

- Việc mua sắm, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc của một số cơ quan, đơn vị còn chưa tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành; việc quản lý, sử dụng trang thiết bị làm việc, nhà đất công còn chưa thật sự tiết kiệm.

1.4. Quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực Nhà nước

Qua tiến hành thanh tra, kiểm tra công vụ thì có một số đơn vị còn tồn tại một số hạn chế như sau: một số công chức, viên chức chưa đeo thẻ đầy đủ theo quy định, hầu hết thanh tra các sở, huyện chưa thực hiện nghiêm túc mặc trang phục ngành theo quy định. Một số đơn vị phòng làm việc trong giờ hành chính đóng cửa nhưng không có lịch công tác cụ thể, cho thấy còn một số cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chưa nghiêm.

1.5. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên

Bên cạnh những kết quả đạt được trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên còn có một số hạn chế như:

Diện tích rừng còn bị lấn chiếm; công tác điều tra, đánh giá khoáng sản đặc biệt là khoáng sản ở dưới sâu và khoáng sản biển chưa thực hiện được, gây khó khăn cho công tác quy hoạch và quản lý. Một số quy định của Luật Khoáng sản chưa cụ thể gây khó khăn cho công tác quản lý khoáng sản ở địa phương. Hoạt động khoáng sản cũng có tác động tiêu cực đến môi trường (ô nhiễm bụi, tiếng ồn, chấn động từ hoạt động nổ mìn), hạ tầng kỹ thuật xuống cấp nhanh tác động đến đời sống Nhân dân khu vực có hoạt động khoáng sản.

2. Bổ sung đánh giá chung kết quả đạt được (điều chỉnh, bổ sung thêm)

- Tỉnh luôn quan tâm, chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương, yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị, giám đốc các doanh nghiệp tổ chức

phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tuyên truyền đến Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Qua đó, đã nâng cao ý thức việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các ngành, các cấp đã thường xuyên tăng cường kiểm soát chi tiêu, tiếp khách, tổ chức các hội nghị, hội thảo; việc điều hành ngân sách chặt chẽ và hiệu quả; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn; quản lý sử dụng ngân sách đúng mục đích, công tác lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ và giao dự toán ngân sách Nhà nước đối với từng lĩnh vực theo chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính trong cơ quan, đơn vị đã góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Kiểm soát chặt chẽ công tác thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán, hồ sơ thẩm định quyết toán, công tác đấu thầu, thẩm định kết quả đấu thầu, chào hàng cạnh tranh đối với các dự án sử dụng ngân sách Nhà nước; thực hiện nghiêm túc quy trình thẩm tra hồ sơ quyết toán các dự án hoàn thành.

- Các quỹ được thành lập với quy mô, tính chất và phạm vi hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về mục tiêu, phạm vi và các lĩnh vực hoạt động; hầu hết các quỹ bảo tồn được nguồn vốn do ngân sách Nhà nước cấp, có nguồn thu từ hoạt động để bổ sung và phát triển nguồn vốn thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, đảm bảo an ninh trật tự, hỗ trợ an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Các ngành, các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tăng cường kiểm soát việc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định, hạn chế tình trạng đầu tư, mua sắm vượt tiêu chuẩn, định mức, sử dụng không hiệu quả, lãng phí tài sản công. Kiểm soát chặt chẽ công tác thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán, hồ sơ thẩm định quyết toán, công tác đấu thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, chào hàng cạnh tranh đối với các dự

án xây dựng, sửa chữa trụ sở làm việc; thực hiện nghiêm túc quy trình thẩm tra hồ sơ quyết toán các dự án hoàn thành.

- Thực hiện việc sắp xếp tổ chức, giảm đầu mối các phòng chuyên môn trực thuộc, các đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế đạt theo quy định của Trung ương, địa phương.

- Việc quản lý, sử dụng đất đai của tỉnh đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Công tác quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc ngày càng chặt chẽ, đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Kiện toàn và bố trí diện tích các phòng làm việc của cơ quan theo quy định của Nhà nước, sử dụng đúng mục đích không sử dụng tài sản cơ quan vào việc riêng. Thực hiện tốt việc sử dụng đất, giao khoán rừng, khai thác rừng trồng, cho thuê môi trường rừng và liên doanh liên kết góp phần bảo vệ rừng, phát triển rừng được tốt hơn góp phần làm tăng thu ngân sách Nhà nước, quản lý chặt đất đai, tránh lãng phí trong sử dụng, khai thác tiềm năng của đất đai và huy động được vốn đầu tư của xã hội.

- Các doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh quản lý hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tăng cường quản lý các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm trong định mức đóng góp vào nguồn thu ngân sách Nhà nước.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử được nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của toàn xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước, quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách Nhà nước, tiền, tài sản công, sử dụng tài sản công của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, doanh nghiệp sử dụng ngân sách Nhà nước và công trình phúc lợi công cộng; trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, đào tạo, quản lý, sử dụng lao động, thời gian làm việc trong khu vực Nhà nước và trong sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân.

3. Bổ sung tồn tại hạn chế một số lĩnh vực

- Công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, quán triệt các quy định pháp luật về trong quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước còn có mặt hạn chế, còn tình trạng vi phạm quy định pháp luật về tiêu chuẩn, định mức trong quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước. Tiến độ đầu tư, xây dựng của một số dự án đầu tư công còn chậm. Vẫn còn một số đơn vị chưa tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành trong việc mua sắm, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc.

- Việc chấp hành giờ giấc làm việc, mặc trang phục ngành và đeo thẻ công

chức của một số công chức chưa đúng quy định.

- Diện tích rừng còn bị lấn chiếm; công tác điều tra, đánh giá khoáng sản đặc biệt là khoáng sản ở dưới sâu và khoáng sản biển chưa thực hiện được gây khó khăn cho công tác quy hoạch và quản lý. Một số quy định của Luật Khoáng sản chưa cụ thể gây khó khăn cho công tác quản lý khoáng sản ở địa phương.

4. Bổ sung đề xuất kiến nghị

a) Đối với Chính phủ

- Đề nghị Chính phủ xây dựng định mức tiết kiệm cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý để giao thành chỉ tiêu phấn đấu, gắn với cơ chế khen thưởng và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Đề nghị Chính phủ xem xét điều chỉnh Điều 5 của Luật Đầu tư công. Cụ thể như sau: tại Điều 5 Luật Đầu tư công quy định tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập để thực hiện trước, tuy nhiên chỉ áp dụng đối với các dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A. Đối với các loại dự án còn lại, việc giải phóng mặt bằng chỉ triển khai tại bước thực hiện dự án (*sau khi dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư*). Tuy nhiên, công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng thường mất nhiều thời gian (*do dễ phát sinh khiếu kiện kéo dài*) làm giảm hiệu quả đầu tư của dự án, gây lãng phí. Do đó đề xuất sửa đổi quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công theo hướng cho phép tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập để thực hiện, nhằm góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, hạn chế tình trạng dự án bị kéo dài do vướng giải phóng mặt bằng, gây lãng phí trong đầu tư công.

b) Đối với Bộ Tài chính

- Cho phép địa phương chuyển nguồn sang năm sau các khoản chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao còn dở dang như: các chương trình, dự án, mua sắm hàng hóa, dịch vụ và sửa chữa thường xuyên đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm được ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán.

- Về chính sách tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Chương I Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định: "*Phân chia nguồn thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước trên cơ sở sản lượng xăng, dầu kế hoạch do doanh nghiệp đầu mối bán ra. Theo đó: 48% số thu*

thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu là khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; 52% số thu thuế bảo vệ môi trường điều tiết 100% số thu về ngân sách địa phương”; căn cứ quy định tại khoản 6, Điều 1, Chương I, Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính: *“Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương và bổ sung cân đối của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương áp dụng riêng cho năm 2022. Căn cứ tình hình thực tế, năm 2023, Quốc hội sẽ quy định lại cho phù hợp”*.

Theo các quy định nêu trên, tỉnh Kiên Giang đề xuất nguồn thu thuế bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Phú Quốc đối với sản phẩm xăng, dầu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương được phép để lại từ năm 2023 theo tỷ lệ: ngân sách Trung ương hưởng 20%; ngân sách địa phương hưởng 80%. Lý do, góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước địa phương để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, trong đó có nhiệm vụ chi cho bảo vệ môi trường. Mặt khác, nhằm khắc phục việc ô nhiễm môi trường do khí thải gây ra cũng như địa phương sử dụng nguồn vốn trên nhằm đầu tư cải tạo, chỉnh trang đô thị tại địa phương.

- Về việc thực hiện 70% tăng thu ngân sách địa phương tạo nguồn để tích lũy thực hiện cải cách tiền lương giai đoạn 2022-2025: theo quy định tại điểm u khoản 1 Điều 37 Luật Ngân sách Nhà nước, thu kết dư ngân sách địa phương là khoản thu ngân sách địa phương; việc sử dụng thu kết dư ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 và Điều 72 Luật Ngân sách Nhà nước, trong đó có nội dung dành nguồn để thực hiện cải cách tiền lương. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Chương I Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính: *“a) 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2021 thực hiện so với dự toán, không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết; tiền thuê đất một lần được Nhà nước đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã; thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải được Thủ tướng Chính phủ giao.”*

Về kết dư ngân sách trong thời gian vừa qua, địa phương tích lũy thực hiện cải cách tiền lương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đúng theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về cách xác định 70% tăng thu ngân sách địa phương tạo nguồn

để tích lũy thực hiện cải cách tiền lương. Tuy nhiên, nhằm tạo nguồn lực thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng cho những năm tiếp theo trên địa bàn thành phố Phú Quốc tiến tới thành phố biển xanh, sạch, đẹp, tỉnh Kiên Giang đề xuất Trung ương không tính tỷ lệ 70% tăng thu ngân sách địa phương từ nguồn kết dư ngân sách để tạo nguồn tích lũy thực hiện cải cách tiền lương giai đoạn 2022-2025, đồng thời việc trích tỷ lệ giao cho địa phương chịu trách nhiệm nhưng vẫn đảm bảo nguồn tăng lương khi Nhà nước ban hành và các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn thành phố Phú Quốc.

- Đề nghị Bộ Tài chính tham mưu cho Chính phủ xây dựng tiêu chí, định mức tiết kiệm cụ thể trong quản lý, sử dụng tài sản công để giao thành chỉ tiêu phấn đấu, gắn với cơ chế khen thưởng và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Tích hợp và đồng bộ số liệu về tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để quản lý tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật trong quản lý, sử dụng tài sản công. Trọng đó cần sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng và khai thác tạm thời tài sản kết cấu hạ tầng trong các dịp lễ, hội.

- Đề nghị xây dựng Luật nhằm quản lý các quỹ tài chính công ngoài ngân sách để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, quy định trách nhiệm và quyền hạn của các ngành, các cấp trong việc thành lập/giải thể, hoạt động của các quỹ.

- Để thực hiện tốt hơn công tác tham mưu về quản lý hoạt động của Quỹ Phòng chống thiên tai (Quỹ) nên có biên chế cán bộ chuyên trách của Quỹ ở tỉnh và huyện. Cần có cơ chế phân chia nguồn thu theo tỷ lệ về địa phương nhằm chủ động thực hiện nhanh nhiệm vụ chi tại huyện, xã. Xây dựng kế hoạch thu hàng năm tại các huyện, quy định cụ thể một số nội dung chi và mức chi, chế độ phụ cấp cho cán bộ làm công tác của Quỹ. Hỗ trợ chi thù lao cho người trực tiếp đi thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác quản lý Quỹ tại các cấp.

- Kiến nghị Trung ương sửa đổi Thông tư số 87/2008/TT-BTC ngày 08/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em theo hướng dẫn ban hành Thông tư liên tịch của Bộ Nội Vụ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định về tổ chức bộ máy Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp, Hội đồng Bảo trợ trẻ em các cấp, quy định nội dung và mức chi đặc thù của Quỹ Bảo trợ trẻ em.

- Đề xuất Trung ương cho phép vận động Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp huyện và xã, phường, thị trấn, đồng thời kiến nghị Trung ương có hướng dẫn cụ thể việc vận động Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp huyện và cấp xã, phường, thị trấn. Đây là những đầu mối và nguồn lực rất lớn nhằm trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Vận động Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp tỉnh không thể đáp ứng được yêu cầu vì số lượng trẻ em khó khăn trong toàn tỉnh là rất lớn. Có hướng dẫn của Trung ương cho phép phân bổ chỉ tiêu vận động Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp huyện. Các huyện, thành phố chuyển số tiền vận động được về tài khoản của Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh. Đối với các huyện, thành phố khi có nhu cầu chi hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, từ nguồn huy động đóng góp, tài trợ mà huyện, thành phố đã vận động được khi đã chuyển về tài khoản tiền gửi do Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh quản lý, phải được Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và khả năng của Quỹ. Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh là đầu mối giao kế hoạch thu - chi hàng năm cho Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp huyện, cấp xã trong tỉnh sau đó tổng hợp các khoản thu - chi và tập hợp quyết toán kinh phí của các Quỹ Bảo trợ trẻ em tuyến huyện, tuyến xã trong tỉnh.

c) Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

Về lĩnh vực tài nguyên nước

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung của Luật Tài nguyên nước năm 2012, nguyên nhân Luật Tài nguyên nước năm 2012 được ban hành, đã phát huy hiệu lực, hiệu quả về nhiều mặt, tạo hành lang pháp lý trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên phạm vi cả nước góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên vẫn bản dưới luật hướng dẫn thi hành luật bao gồm: 12 Nghị định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 32 Quyết định; Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành 35 Thông tư và 01 Quyết định quy định chi tiết. Từ đó, gây khó khăn trong quá trình thực hiện và giải quyết phải tra cứu nhiều văn bản thi hành. Bên cạnh đó Luật Tài nguyên nước năm 2012 còn bất cập trong thể chế, giao thoa giữa chính sách và tổ chức thực hiện trong thực tế; chức năng quản lý giữa các bộ, ngành, địa phương, giữa Luật Tài nguyên nước năm 2012 với Luật Thủy lợi, Luật Khí tượng thủy văn nên cần phải được rà soát, đánh giá tổng thể để sửa đổi, bổ sung theo hướng việc quản lý nhà nước về tài nguyên nước thống nhất theo chiều dọc và chiều ngang thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét ưu tiên đầu tư các điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn thành phố Phú Quốc theo Phụ lục II của Quyết định số 432/QĐ-TTg trong giai đoạn 2021-2022. Hỗ trợ tỉnh Kiên Giang



đẩy nhanh tiến độ xây dựng tại thành phố Phú Quốc và công tác đo đạc kiểm tra và cung cấp dữ liệu và kết quả quan trắc lún trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản

- Tại khoản 1, Điều 31 của Luật Khoáng sản quy định tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai; tuy nhiên tại điểm đ, khoản 3, Điều 62 của Luật Đất đai quy định các dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản không thuộc trường hợp thu hồi đất mà doanh nghiệp phải tự thoả thuận, bồi thường giải phóng mặt bằng. Theo quy định trên doanh nghiệp sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng của dự án khai thác khoáng sản vì chỉ cần không thoả thuận được 01 thửa hoặc một số thửa trong toàn bộ diện tích của dự án thì không thể triển khai được dự án theo đúng tiến độ.

- Tại khoản 7, Điều 2 của Luật Khoáng sản giải thích từ "*khai thác khoáng sản là hoạt động nhằm thu hồi khoáng sản, bao gồm xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, phân loại, làm giàu và các hoạt động khác có liên quan*". Giải thích từ này còn chưa rõ, chưa cụ thể ở cụm từ "các hoạt động khác có liên quan" là hoạt động nào, có bao gồm hoạt động chế biến khoáng sản không.

- Tại khoản 1, Điều 64 của Luật Khoáng sản quy định các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nhưng chưa quy định cụ thể đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường gây khó khăn cho việc xác định thẩm quyền xử lý các hoạt động khai thác đất san lấp trái phép. Do đó cần phải quy định cụ thể đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Tại điểm b, khoản 2, Điều 64 của Luật Khoáng sản quy định tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản khi khai thác trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó; tuy nhiên Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản chưa quy định cụ thể việc xử lý khối lượng khoáng sản dôi dư khi khai thác để xây dựng công trình và các quy định để quản lý, kiểm tra hoạt động khai thác này.

d) Bộ Xây dựng

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét bổ sung hướng dẫn chi tiết các nội dung, tiêu chí thẩm định dự án xây dựng các công trình theo lệnh khẩn cấp. Cụ thể: theo

quy định tại khoản 4 Điều 58 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, hồ sơ hoàn thành công trình không yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi. Tuy nhiên, để hoàn thành các thủ tục thanh quyết toán công trình, thành phần hồ sơ phải có quyết định phê duyệt dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ dẫn đến quá trình thẩm định, quyết toán dự án gặp phải một số khó khăn cho các đơn vị có liên quan.

- Về việc xác định chủ đầu tư: tại khoản 4, Điều 1 của Luật Sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng về xác định chủ đầu tư: “*Chủ đầu tư được xác định trước khi lập dự án hoặc khi phê duyệt dự án hoặc các trường hợp khác theo quy định các pháp luật khác có liên quan*”. Đề nghị hướng dẫn rõ về việc xác định chủ đầu tư vì có sự không đồng nhất giữa các Luật.

- Về thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiên khả thi: theo quy định tại Điều 13, Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ thì dự án nhóm A (không phân biệt cấp công trình) thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và do cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định; do đó, kiến nghị đối với dự án nhóm A có cấp công trình chính chỉ cấp II trở xuống đề nghị phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nhằm rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư.

Trên đây là báo cáo bổ sung công tác thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn lực giai đoạn 2016-2021; Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xin báo cáo Đoàn giám sát Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang. *l. me*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân